

# TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

TS. LÊ VĂN CÔNG\*  
ThS. TRẦN XUÂN HUẤN\*\*

**Tóm tắt:** Bài viết nêu và phân tích các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội “sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, các yếu tố cấu thành tội phạm và một số vấn đề bất cập đặt ra trong thực tiễn định tội danh đối với loại tội phạm này. Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật có liên quan đến việc định tội danh loại tội “sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

**Từ khóa:** Bộ luật Hình sự; tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng máy tính, mạng viễn thông; tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Ngày nhận bài: 26/02/2024; Ngày hoàn thành biên tập: 01/3/2024; Ngày duyệt đăng bài: 01/3/2024

**Abstract:** The article outlines and analyses the provisions of the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017) on the offence of “using computer networks, telecommunications networks or electronic devices to appropriate property”, elements constituting the offence, and some inadequacies raised in the practice of determining crimes for this type of offence. On that basis, the authour offers some solutions to improve the law related to determining the offence of “using computer networks, telecommunications networks or electronic devices to appropriate property”.

**Keywords:** the Penal Code; crimes in the field of information technology, computer networks, and telecommunications networks; the offence of using computer networks, telecommunications networks or electronic devices to appropriate property.

## Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng máy tính (MMT), mạng viễn thông (MVT) được coi là loại tội phạm mới, được quy định lần đầu trong Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999 với 03 tội danh, đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều BLHS năm 1999 (năm 2009) là 06 tội danh và BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định với 10 tội danh. Về mặt thực tiễn, trong những năm qua, tình hình tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng máy tính, mạng viễn thông ở Việt Nam bùng phát rất mạnh, xảy ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, đặc biệt là tội phạm sử dụng MMT, MVT, phương tiện điện tử (PTĐT) thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (CĐTS). Tuy vậy, hiện nay, trong thực tiễn giải quyết vụ án về tội

sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTS vẫn còn một số quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (THTT), người THTT về việc xác định các yếu tố cấu thành của tội danh này, dẫn tới việc định tội danh không thống nhất.

## 1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Trước khi BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, hành vi sử dụng MMT, MVT, PTĐT để CĐTS có thể bị xử lý theo tội “trộm cắp tài sản” (Điều 138) hoặc tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Điều 139). Tuy vậy, do tính đặc thù của loại tội phạm

\* Trung tá, Phó Trưởng khoa Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II - Bộ Công an.

\*\* Khoa Kỹ thuật hình sự, Trường Cao đẳng CSND II.



này, nên lần sửa đổi, bổ sung năm 2009, BLHS đã quy định tội danh “*tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” (Điều 226b). Hiện nay, theo BLHS năm 2015 là “*tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” và được quy định tại Điều 290. So với Điều 226b BLHS năm 1999 thì Điều 290 BLHS năm 2015 có sửa đổi và bổ sung một số nội dung liên quan đến hành vi khách quan, hậu quả và khung hình phạt áp dụng.

Nghiên cứu Điều 290 BLHS năm 2015 trong sự so sánh với Điều 226b BLHS năm 1999, tác giả làm rõ một số vấn đề về tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS như sau:

### ***1.1. Về các yếu tố cấu thành tội phạm***

***Thứ nhất, về khách thể:*** Tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước, trật tự an toàn công cộng, cụ thể là xâm phạm hoạt động bình thường của MMT, MVT, mạng Internet, môi trường giao dịch điện tử, hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng. Khi xem xét khách thể của tội phạm này cũng cần phải đề cập đến đối tượng tác động của tội phạm này chính là tài sản.

#### ***Thứ hai, về mặt khách quan:***

Một là, về hành vi khách quan: Hành vi khách quan của tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS thể hiện ở một trong những dạng hành vi sau:

- Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ thẻ, chủ tài khoản hoặc thanh toán dịch vụ, mua hàng hóa.

Hành vi này được tách ra từ hai hành vi

được mô tả tại điểm a khoản 1 Điều 226b BLHS năm 1999. Trước hết, cần khẳng định rằng thuật ngữ “*tài khoản*” phải được hiểu là tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng (như tài khoản ngân hàng) hoặc tài khoản của các nền tảng thanh toán trực tuyến có kết nối với tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng (tức là tài khoản của các ví điện tử, nền tảng thanh toán như: Zalopay, Viettelpay...). Tài khoản đó quản lý về tiền (tiền điện tử) hoặc có thể thanh toán được tiền trực tuyến. Còn thẻ ngân hàng là công cụ thanh toán do ngân hàng phát hành thẻ cấp cho khách hàng sử dụng theo hợp đồng ký kết giữa ngân hàng phát hành thẻ và chủ thẻ. Thẻ ngân hàng được hiểu như một phương tiện thanh toán được sử dụng để thực hiện dịch vụ thanh toán qua ngân hàng bên cạnh các phương tiện thanh toán khác như tiền mặt, séc, lệnh chi (ủy nhiệm chi), ủy nhiệm thu.

Hành vi sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để CĐTTS của chủ thẻ, chủ tài khoản hoặc thanh toán dịch vụ, mua hàng hóa được hiểu là: Đối tượng phạm tội bằng cách nào đó, có thể là chủ động (như trộm cắp, lừa đảo...) hoặc thụ động (như nhật được) để có được thông tin về tài khoản, có được thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân, sau đó sử dụng thông tin tài khoản, thẻ ngân hàng này để CĐTTS của chủ tài khoản, chủ thẻ (như rút tiền, chuyển tiền sang tài khoản khác) hoặc sử dụng vào việc thanh toán hàng hóa, dịch vụ (như thanh toán trong mua bán hàng hóa trực tiếp hoặc mua bán trực tuyến).

- Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ.



Đây cũng là hành vi được tách ra từ điểm a khoản 1 Điều 226b BLHS năm 1999. Thẻ ngân hàng giả là thẻ không do ngân hàng có thẩm quyền phát hành thẻ đó phát hành. Làm thẻ ngân hàng giả được hiểu là việc cá nhân không có thẩm quyền sản xuất, phát hành thẻ ngân hàng nhưng sản xuất thẻ giống như thẻ ngân hàng (trong thẻ cũng có chứa đựng thông tin, dữ liệu như thẻ thật của ngân hàng phát hành).

Để làm thẻ ngân hàng giả thì đối tượng phải bằng các phương thức, thủ đoạn nào đó (như mua hoặc đánh cắp) để có được thông tin về thẻ, mật mã giao dịch của thẻ ngân hàng thật. Sau đó dùng máy ghi thẻ ghi, in thông tin của thẻ thật lên trên tấm nhựa (kích thước như thẻ thật) để sản xuất thẻ giả. Tất cả các hành vi làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả là nhằm CĐTTS của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

- Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản.

Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa hoặc sử dụng ID, mật mã truy cập của chủ tài khoản mà không được sự cho phép của chủ tài khoản đó để truy cập vào tài khoản không phải của mình. Tài khoản ở đây vẫn được hiểu là tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng (như tài khoản ngân hàng) hoặc tài khoản của các nền tảng thanh toán trực tuyến có kết nối với tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng (tức là tài khoản các ví điện tử, nền tảng thanh toán như: Zalopay; Viettelpay...). Việc truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân là nhằm CĐTTS.

- Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy

động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm CĐTTS.

So với điểm c khoản 1 Điều 226b BLHS năm 1999, thì điểm d khoản 1 Điều 290 BLHS hiện hành đã bổ sung nội dung “thanh toán điện tử”, “kinh doanh đa cấp” và sửa đổi nội dung “mua bán và thanh toán cổ phiếu” thành “giao dịch chứng khoán”.

Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm CĐTTS được hiểu là: Đối tượng phạm tội đưa ra các thông tin gian dối trong các lĩnh vực thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp qua mạng hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng để tạo niềm tin cho người có tài sản, làm họ tưởng thật và thực hiện việc mua, bán, thanh toán qua mạng hoặc tham gia đầu tư, kinh doanh về tiền tệ, góp vốn, kinh doanh đa cấp, giao dịch chứng khoán thông qua mạng. Các hành vi nêu trên được thực hiện qua mạng là nhằm CĐTTS.

- Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, Internet nhằm chiếm đoạt tài sản.

So với Điều 226b BLHS năm 1999, thì đây là hành vi mới được bổ sung. Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, Internet nhằm CĐTTS là việc thiết lập, cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, nhưng không được phép hoặc không đúng giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp nhằm CĐTTS.

Hai là, về công cụ, phương tiện, phương thức phạm tội: Từ mô tả tại Điều 290 BLHS năm 2015 “... sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử...” cho thấy, các hành vi khách quan của loại tội này phải thực hiện thông qua môi trường MMT, MVT, mạng Internet và PTĐT (điện thoại,



máy vi tính, các thiết bị đọc thẻ, cà thẻ, các máy ATM...). Đây cũng là yếu tố quan trọng để phân biệt tội này với một số tội có dấu hiệu pháp lý tương tự.

Ba là, về hậu quả: Tội này là loại tội có cấu thành hình thức. Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc, mà chỉ có ý nghĩa định khung hình phạt.

*Thứ ba, về mặt chủ quan và chủ thể:*

Tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích của việc thực hiện các hành vi nêu ở mặt khách quan là nhằm CĐTTS. Do đó, mục đích nhằm CĐTTS là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Nếu việc thực hiện các hành vi nêu ở mặt khách quan, nhưng không nhằm mục đích CĐTTS thì không cấu thành tội này. Chủ thể của tội phạm là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi theo quy định của BLHS.

Cũng theo khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 thì các hành vi nêu trên chỉ cấu thành tội này, khi không thuộc trường hợp của tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo CĐTTS quy định tại Điều 173 và Điều 174 BLHS năm 2015.

## 1.2. Về hình phạt

Loại và mức hình phạt chính được áp dụng đối với tội phạm sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả gây ra. Theo đó:

*Khoản 1:* Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm nếu có các hành vi khách quan quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

*Khoản 2:* Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm nếu có thêm một trong các tình tiết tăng nặng sau đây: có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; có tính chất chuyên nghiệp; số lượng thẻ giả từ 50 thẻ đến dưới 200 thẻ; chiếm

đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; tái phạm nguy hiểm.

*Khoản 3:* Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm nếu có thêm một trong các tình tiết tăng nặng sau đây: chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; số lượng thẻ giả từ 200 thẻ đến dưới 500 thẻ.

*Khoản 4:* Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm nếu có thêm một trong các tình tiết tăng nặng sau đây: chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên; số lượng thẻ giả 500 thẻ trở lên.

*Khoản 5:* Ngoài hình phạt chính, thì khoản 5 Điều 290 BLHS năm 2015 còn quy định về hình phạt bổ sung. Theo đó, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Nghiên cứu về loại, mức hình phạt quy định tại Điều 290 thấy rằng, so với Điều 226b thì Điều 290 đã thay thế hình thức phạt tiền bằng hình thức phạt cải tạo không giam giữ ở khoản 1; thay đổi mức phạt tù đối với hình phạt chính và đối với trường hợp phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bãi bỏ hình phạt tù chung thân và thay đổi mức phạt tiền đối với hình phạt bổ sung ở khoản 5.

## 2. Một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn định tội danh

Sau hơn 05 năm thi hành kể từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực, về cơ bản, tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS đã được các cơ quan THTT,



người THPT áp dụng tương đối chính xác, có hiệu quả trong việc xử lý đối với loại tội phạm này. Tuy vậy, quá trình áp dụng vẫn còn một số điểm chưa thống nhất, có sự diễn giải luật và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan THPT, người THPT ở một số địa phương, dẫn tới việc có quan điểm khác nhau về định tội danh tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS hay tội lừa đảo CĐTTS, tội trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

**Thứ nhất**, quan điểm khác nhau về định tội danh tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS hay tội lừa đảo CĐTTS. Trong đó, thực tiễn xảy ra tranh luận giữa các trường hợp sau:

- Trường hợp đối tượng sử dụng các phương thức khác nhau chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội (Facebook, Instagram, Telegram...) và sử dụng tài khoản này nhắn tin lừa đảo CĐTTS.

Theo tác giả, trong trường hợp này nếu định tội danh sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS quy định tại Điều 290 là chưa chuẩn xác. Phân tích hành vi chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội (Facebook, Instagram, Telegram...) và sử dụng tài khoản này nhắn tin lừa đảo CĐTTS không thỏa mãn bất cứ dấu hiệu hành vi nào trong năm loại hành vi khách quan quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015. Cụ thể, việc lấy được tên tài khoản (ID), mật khẩu (password) tài khoản mạng xã hội của người khác, sau đó đăng nhập (có thể đổi password) và tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo CĐTTS của người khác (thường là người thân quen của người bị chiếm đoạt tài khoản) không phải là hành vi được quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

Như tác giả đã trình bày trong bài viết, thì thuật ngữ “tài khoản” được quy định

tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 phải được hiểu là tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng, hoặc tài khoản của các nền tảng thanh toán trực tuyến có kết nối với tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng (ví dụ điện tử, nền tảng thanh toán điện tử). Nghĩa là, khi xảy ra việc sử dụng thông tin về tài khoản, chiếm đoạt được tài khoản, truy cập bất hợp pháp vào tài khoản là ngay sau đó có thể chiếm đoạt được tiền, tài sản. Còn tài khoản mạng xã hội không liên quan đến tiền, tài sản. Muốn CĐTTS của người khác thì người chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội phải có thêm các hành vi lừa đảo để bị hại chuyển tiền và chiếm đoạt số tiền đó. Do vậy, hành vi chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội, sau đó lừa đảo CĐTTS phải cấu thành tội lừa đảo CĐTTS.

- Trường hợp người phạm tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT làm phương tiện để tiếp cận người bị hại, còn phương thức chiếm đoạt được tài sản là gặp trực tiếp bị hại.

Theo tác giả, khách thể mà tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS xâm hại cụ thể là hoạt động bình thường của MMT, MVT, mạng Internet, môi trường giao dịch điện tử, hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng. Việc CĐTTS gắn với tội danh này bắt buộc phải sử dụng MMT, MVT, PTĐT thì mới có thể xâm phạm tới khách thể nêu trên.

Ngược lại, nếu người phạm tội có thủ đoạn sử dụng MMT, MVT, PTĐT có được thông tin, dữ liệu để tạo điều kiện trực tiếp tiếp cận bị hại, chiếm đoạt trực tiếp tài sản của nạn nhân và việc chiếm đoạt này không sử dụng các công cụ trên, thì quan hệ xã hội trực tiếp bị xâm hại là quan hệ sở hữu mới thể hiện đúng bản



chất nguy hiểm của hành vi chiếm đoạt. Mặt khác, có thể đã có hành vi sử dụng MMT, MVT, PTĐT lừa đảo để có được thông tin, dữ liệu và tạo điều kiện tiếp cận bị hại, tuy nhiên ở đây không phải lừa đảo trong các lĩnh vực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 290 là “lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, trường hợp này phải định tội danh là tội lừa đảo CĐTTS mới thỏa đáng.

- Trường hợp đối tượng lừa đảo để có được thông tin tài khoản, thẻ ngân hàng, mã truy cập, sau đó CĐTTS bằng phương thức sử dụng MMT, MVT, PTĐT.

Ví dụ: Bà A nhận được điện thoại của một người gọi đến tự xưng là cán bộ Công an hình sự của Bộ Công an và thông báo bà đang liên quan đến vụ mua bán trái phép chất ma túy. Sau đó yêu cầu bà A cung cấp số chứng minh nhân dân, tên, tuổi, địa chỉ và các thành viên trong gia đình thì bà A đồng ý cung cấp. Khi bà A nói không liên quan gì đến vụ án ma túy thì đối tượng yêu cầu chụp hình sỏ tiết kiệm của bà A rồi truy cập vào mạng xã hội Zalo gửi hình vào tài khoản tên “Cục CSHS - Bộ Công an - Phòng PC45” để Công an điều tra. Sau đó, bà A tiếp tục nhận được điện thoại yêu cầu bà đến ngân hàng rút tiền từ sổ tiết kiệm chuyển vào tài khoản cá nhân của bà A tại ngân hàng Sacombank. Sau khi có được thông tin cá nhân và thông tin tài khoản ngân hàng của bà A, thì đối tượng tiếp tục yêu cầu bà cung cấp mã số OTP gửi đến số điện thoại của mình nhưng bà không cung cấp. Do không lấy được mã số OTP, các đối tượng lại yêu cầu bà A cung cấp dãy số do ngân hàng gửi tin nhắn đến, bà A không biết mã số gửi đến là để

đăng ký ứng dụng Sacombank mSign là ứng dụng xác nhận giao dịch Internet Banking, thay thế cho hình thức xác nhận giao dịch bằng mã OTP qua tin nhắn điện thoại nên bà A đã cung cấp cho đối tượng. Sau khi có mã số, các đối tượng đã đăng ký ứng dụng Sacombank mSign và thực hiện chuyển tiền Internet Banking, chiếm đoạt của bà A là 05 tỷ đồng.

Có quan điểm cho rằng, đối tượng đã thực hiện hàng loạt các hành vi gian dối để chiếm đoạt được tài sản nhưng không thuộc vào một trong các trường hợp lừa đảo được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015. Do đó, phải định tội danh là tội lừa đảo CĐTTS.

Theo tác giả, ở trường hợp này vẫn phải định tội danh là tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS. Bởi các lý do: (1) Bà A không chuyển tiền cho đối tượng lừa đảo; (2) Đối tượng đã sử dụng thông tin tài khoản ngân hàng hoặc truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của bà A để CĐTTS. Trong trường hợp trên đối tượng đã có thông tin tài khoản, có được mã số để đăng ký ứng dụng Sacombank mSign và sử dụng xác nhận giao dịch Internet Banking, thay thế cho hình thức xác nhận giao dịch bằng mã OTP qua tin nhắn điện thoại. Theo tác giả, ngay cả trường hợp bà A gửi mã OTP<sup>1</sup> cho đối tượng thì bản chất của vấn đề ở đây vẫn là: Đã sử dụng thông tin tài khoản ngân hàng hoặc truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của bà A để CĐTTS và chiếm đoạt được tài sản (tức là hành vi thuộc điểm a hoặc điểm c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015).

Từ phân tích trên, tác giả cho rằng, trong

<sup>1</sup> OTP về mặt bản chất là mật khẩu sử dụng một lần duy nhất do ngân hàng cung cấp cho chủ tài khoản.



bất kỳ trường hợp nào mà đối tượng đã đăng nhập được vào tài khoản (về tiền) hoặc đã sử dụng thông tin tài khoản (về tiền) một cách bất hợp pháp và kết quả cuối cùng là đối tượng chiếm đoạt được tài sản của chủ tài khoản, thì đây là hành vi thỏa mãn dấu hiệu hành vi của tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS.

**Thứ hai**, quan điểm khác nhau về định tội danh tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS hay tội trộm cắp tài sản. Trong đó, thực tiễn xảy ra tranh luận ở trường hợp sau: *Đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và trộm được thẻ ngân hàng, mã truy cập, sau đó CĐTTS bằng phương thức sử dụng MMT, MVT, PTĐT (mà cụ thể là rút tiền của chủ thẻ tại cây ATM).*

Trong trường hợp trên, đã có Hội đồng xét xử tuyên toàn bộ hành vi đều cấu thành tội trộm cắp tài sản, vì quan điểm cho rằng, do ban đầu đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và từ việc trộm cắp mới có được thông tin tài khoản, thẻ ngân hàng, mã truy cập... nên sau đó dù đối tượng CĐTTS bằng phương thức nào đi nữa, kể cả việc CĐTTS bằng việc sử dụng MMT, MVT, PTĐT (thực hiện rút tiền ở cây ATM) thì cần “thu hút” tất cả chuỗi hành vi vào tội trộm cắp tài sản.

Theo tác giả, trong trường hợp trên hành vi trộm cắp tài sản ban đầu là không bàn cãi. Nhưng từ việc trộm cắp đó mà có được thông tin tài khoản, thẻ ngân hàng và sử dụng chúng để CĐTTS thông qua phương thức sử dụng MMT, MVT, PTĐT thì cần định tội danh tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS đối với hành vi sau. Bởi, nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 đã toát lên *việc sử dụng thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để CĐTTS của chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ thì xử lý theo tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS.*

Và chính điều này cũng đã được tác giả phân tích ở phần các yếu tố cấu thành tội phạm này. Theo đó, thẻ ngân hàng, thông tin về tài khoản (về tiền) mà đối tượng có được có thể bằng cách chủ động (như trộm cắp, lừa đảo...) hoặc thụ động (như nhặt được). Vấn đề là sau đó đã sử dụng thông tin tài khoản, thẻ ngân hàng này để CĐTTS của chủ tài khoản bằng phương thức “*sử dụng MMT, MVT, PTĐT*” (như rút tiền, chuyển tiền sang tài khoản khác hoặc sử dụng vào thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong mua bán hàng hóa trực tiếp hoặc mua bán trực tuyến).

### **3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật có liên quan tới việc định tội danh tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản**

Để khắc phục những vướng mắc từ thực tiễn, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật có liên quan tới việc định tội danh của loại tội này như sau:

**Thứ nhất**, liên ngành tư pháp Trung ương cần phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành thông tư giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015. Trong đó, cần tập trung giải thích, hướng dẫn các vấn đề chủ yếu sau:

- Giải thích, hướng dẫn về thuật ngữ “tài khoản” quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 290.

Vấn đề này, như đã đề cập ở trên, thuật ngữ “tài khoản” quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015 phải là tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng, hoặc tài khoản của các nền tảng thanh toán trực tuyến có kết nối với tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng (tức là, tài khoản các ví điện tử, nền tảng thanh toán như: Zalopay, Viettelpay...). Khi xảy ra việc



sử dụng thông tin về tài khoản hoặc truy cập bất hợp pháp vào tài khoản, là ngay sau đó có thể chiếm đoạt được tiền, tài sản.

- Giải thích, hướng dẫn đối với trường hợp người phạm tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT làm phương tiện để tiếp cận người bị hại, còn phương thức chiếm đoạt được tài sản là gặp trực tiếp bị hại, nhận tiền, tài sản từ bị hại, thì xử lý về các tội xâm phạm sở hữu, mà không xử lý hình sự về tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS.

Sở dĩ cần hướng dẫn áp dụng như vậy là vì, khách thể mà tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS xâm phạm cụ thể là hoạt động bình thường của MMT, MVT, mạng Internet, môi trường giao dịch điện tử, hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng. Việc CĐTTS trong tội danh này bắt buộc phải “sử dụng MMT, MVT, PTĐT” thì mới có thể xâm phạm khách thể nêu trên.

Ngược lại, nếu người phạm tội có thủ đoạn “sử dụng MMT, MVT, PTĐT” có được thông tin, dữ liệu để tạo điều kiện trực tiếp tiếp cận bị hại, chiếm đoạt trực tiếp tài sản của nạn nhân và việc chiếm đoạt này không “sử dụng MMT, MVT, PTĐT” thì quan hệ xã hội trực tiếp bị xâm hại là quan hệ sở hữu mới thể hiện đúng bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi chiếm đoạt, do đó, trường hợp này, phải bị xử lý về các tội xâm phạm sở hữu.

- Thống nhất hướng dẫn việc sử dụng thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để CĐTTS của chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ thì xử lý theo tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS.

Thực ra, nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 đã toát lên việc sử dụng thẻ ngân hàng của cơ quan,

tổ chức, cá nhân để CĐTTS của chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ thì xử lý theo tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS.

- Hướng dẫn nội dung “...nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này...” tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

Nội dung này cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới những quan điểm khác nhau về định tội danh mà tác giả đã nêu trong bài viết. Bởi việc diễn giải theo nội dung này mang đến quan điểm rằng: Khi không định tội danh theo Điều 173 (tội trộm cắp tài sản) và Điều 174 (tội lừa đảo CĐTTS) được, thì mới định tội danh theo Điều 290.

Để có cơ sở rõ ràng cho việc áp dụng Điều 290 hay các Điều 173, 174, tác giả cho rằng, cần hướng dẫn nội dung: “...nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này...” quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 là các trường hợp sau:

(1) Người phạm tội có thủ đoạn sử dụng MMT, MVT, PTĐT có được thông tin, dữ liệu để tạo điều kiện sau đó trực tiếp CĐTTS của nạn nhân và việc chiếm đoạt này không sử dụng các công cụ trên.

(2) Người phạm tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện các hành vi lừa đảo, hack (bẻ khóa)... để chiếm đoạt tài khoản không phải về tiền (như tài khoản mạng xã hội Facebook, Instagram...), sau đó sử dụng các tài khoản chiếm đoạt được tiếp tục lừa đảo để CĐTTS của nạn nhân.

**Thứ hai**, cần bổ sung tình tiết định khung tăng nặng “sử dụng MMT, MVT, PTĐT” vào tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015. Đây cũng là vấn đề cần thiết để có sự phân định



rõ hơn, rạch ròi hơn giữa tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS (Điều 290) với các tội này.

**Thứ ba**, các cơ quan chức năng cần nghiên cứu bổ sung quy định về “tài sản ảo” bằng văn bản pháp luật. Và việc truy cập bất hợp pháp vào tài khoản chứa tài sản ảo để CĐTTS ảo cũng cấu thành tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS.

Hiện nay, trong thực tiễn, các cơ quan THTT đã xử lý nhiều vụ lừa đảo trong kinh doanh tiền tệ, huy động vốn bằng hình thức đầu tư vào tiền ảo với tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS. Vấn đề định tội danh đối với trường hợp này là không bàn cãi, bởi điểm d khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 đã quy định.

Tuy vậy, vấn đề đặt ra ở đây là, hiện nay, “tài sản ảo” là một loại tài sản có giá trị trong thực tế giao dịch dân sự. Thực tế đã khẳng định rằng, tài sản ảo cũng là một hình thức khác của tài sản, nhưng tồn tại trong MMT, MVT dưới hình thức như các đoạn mã, các thông tin thể hiện được trên máy tính, PTĐT. Cũng như các tài sản thông thường khác, tài sản ảo cũng có thể được sử dụng trong giao dịch dân sự. Có nhiều loại tài sản ảo (tiền “ảo”, vàng “ảo”, ngoại tệ “ảo”...), trong đó, có những tài sản ảo cũng có thể quy đổi ra thành tiền. Nói một cách khác, tài sản ảo có thể trị giá được bằng tiền, thông qua những quy tắc quy đổi riêng giữa các chủ thể. Tài sản ảo là một loại tài sản được hình thành bằng nhiều cách, có thể là chuyển từ tiền mặt ( nạp thẻ điện thoại, nạp tiền vào tài khoản ảo trên cổng thanh toán điện tử...), có thể là kết quả của sự đầu tư công sức, tiền bạc và thời gian của chủ tài sản (tài sản có được trong trò chơi điện tử trực tuyến, giao dịch điện tử...). Đối với loại tài sản này, chủ tài sản cũng có đầy đủ các quyền chiếm hữu, sử dụng, định

đoạt giống như tài sản thông thường. Do vậy, coi tài sản ảo cũng là một loại tài sản là điều cần thiết và cần được quy định bằng văn bản pháp luật, nhất là trong thực tiễn hiện nay, MMT, MVT và giao dịch điện tử đóng một vai trò khá quan trọng trong nền kinh tế thị trường.

Từ phân tích trên, tác giả cho rằng, cần quy định về “tài sản ảo” bằng văn bản pháp luật. Và việc truy cập bất hợp pháp vào tài khoản chứa tài sản ảo để CĐTTS ảo cũng cấu thành tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS theo Điều 290 BLHS năm 2015.

### Kết luận

Tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS đã được quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015. Tuy vậy, trong quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết đối với loại án này trong thực tiễn, vẫn còn một số điểm chưa thống nhất giữa các cơ quan, người THTT, dẫn tới việc có quan điểm khác nhau về định tội danh đối với loại tội này. Từ thực tiễn đó, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật có liên quan tới việc định tội danh tội sử dụng MMT, MVT, PTĐT thực hiện hành vi CĐTTS, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giải quyết án của các cơ quan THTT trong thực tiễn. □

### Tài liệu tham khảo

1. TS. Phạm Mạnh Hùng, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 - Phần các tội phạm*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, năm 2019.
2. Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).
3. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
4. Hoàng Quảng Lục, *Định tội đối với hành vi sử dụng mạng xã hội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, <https://tapchitoaan.vn/dinh-toi-doi-voi-hanh-vi-su-dung-mang-xa-hoi-lua-dao-chiem-doa-tai-san6049.html>, truy cập ngày 24/5/2023.
5. Phạm Thanh Bình, *Có nên công nhận “tài sản ảo” là một loại tài sản?*, <https://www.baongoc.vn/news/pdf/co-nen-cong-nhan-tai-san-ao-la-mot-loai-tai-san-2503.pdf>, truy cập ngày 24/5/2023.